

UBND QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1051/GDĐT-TCNS

Tân Bình, ngày 10 tháng 7 năm 2020

V/v thống nhất giao biên chế dự kiến
cho năm 2020 lần 2

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở
và Bồi dưỡng giáo dục.

Căn cứ số liệu phân tuyến năm học 2020-2021 ban hành kèm Kế hoạch số
154/KH-UBND-VX ngày 26/5/2020 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;

Căn cứ công văn số 222/NV-TCNS ngày 31/3/2020 của Phòng Nội vụ quận
Tân Bình về việc phân bổ biên chế ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2020;

Căn cứ nội dung họp thống nhất giao biên chế giữa Phòng Giáo dục và Đào
tạo với Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn quận Tân
Bình.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện tổng hợp, thống kê số liệu biên chế
dự kiến giao lần 2 năm 2020 và nhu cầu tuyển dụng viên chức năm 2020 của các
đơn vị (đính kèm); đề nghị Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học
cơ sở công lập và Bồi dưỡng giáo dục thực hiện rà soát nội dung trên và báo cáo
bằng văn bản thống nhất hay không thống nhất (nêu lý do nếu không thống nhất)
về biên chế dự kiến lần 2 năm 2020 và nhu cầu tuyển dụng viên chức năm 2020.

Báo cáo gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo thông qua ông Thái Hoàng Huy,
chuyên viên **chậm nhất đến 11g00 ngày 13/7/2020.**

Do tính chất quan trọng của công việc, Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị
Hiệu trưởng các đơn vị quan tâm thực hiện và chịu trách nhiệm về tiến độ, tính
chính xác của báo cáo. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLĐ P.GDĐT;
- Lưu: VT, Huy.

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Khắc Huy

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ GIAO BIÊN CHẾ CÁC ĐƠN VỊ GIÁO DỤC BẠC MẦM NON
LẦN 2 NĂM 2020

STT	Tên trường	Hạng trường	Số điểm trường	Tổng số lớp	Lớp Nhà trẻ	Lớp Mẫu giáo	Tổng số học sinh	Số HS Nhà trẻ	Số HS Mẫu giáo	HS khuyết tật hòa nhập	CBQL		Giáo viên	Nhân viên chức	HĐ 68	Biên chế giao 2020	Biên chế dự kiến lần 2 2020	Biên chế hiện có	Biên chế cần tuyển	Biên chế dôi dư
											Công chức	Viên chức								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Mầm non 1	1	2	4	1	3	115	20	95	0	1	1	9	1	1	16	13	12		
2	Mầm non 1A	2	1	6	2	4	230	60	170	0	1	1	14	1	5	22	22	19	01 Văn Thư	
3	Mầm non 2	1	1	9	3	6	330	90	240	0	1	2	21	2	6	32	32	31	01 Văn thư	
4	Mầm non Kim Đồng	2	1	8	2	6	220	45	175	0	1	1	18	3	5	32	28	31	01 Văn Thư	01 PHT 01 GV
5	Mầm non 3	1	2	11	2	9	250	40	210	0	1	2	25	2	6	39	36	36		
6	Mầm non 4	2	1	6	2	4	185	40	145	0	1	1	14	2	4	23	22	19	01 GV 01 Văn thư	
7	Mầm non Quận	1	1	16	3	12	615	172	443	0	1	2	34	2	7	46	46	39	01 Thủ quỹ	01 GV
8	MN Tân Sơn Nhất	1	1	10	2	8	314	40	274	0	1	2	23	2	5	28	33	27	03 GV 01 Văn thư	
9	Mầm non 5	2	1	8	2	6	210	40	170	0	1	1	18	2	4	17	26	24		

STT	Tên trường	Hạng trường	Số điểm trường	Tổng số lớp	Lớp Nhà trẻ	Lớp Mẫu giáo	Tổng số học sinh	Số HS Nhà trẻ	Số HS Mẫu giáo	HS khuyết tật hòa nhập	CBQL		Giáo viên	Nhân viên chức	HD 68	Biên chế chế độ giao 2020	Biên chế dự kiến lần 2 2020	Biên chế hiện có	Biên chế cần tuyển	Biên chế đối dư
											Công chức	Viên chức								
10	Mầm non 6	1	1	9	3	6	285	70	215	0	1	2	21	2	6	33	32	29	02 GV	
11	Mầm non 7	2	2	7	3	4	150	50	100	0	1	1	16	2	5	26	25	19		
12	Mầm non Tuổi Xanh	1	1	15	4	11	475	95	380	0	1	2	34	2	6	46	45	45	02 GV 01 Văn thư	
13	Mầm non 8	1	2	10	4	6	296	70	226	0	1	2	23	2	6	33	34	31	01 Văn thư	
14	Mầm non 9	1	1	14	3	11	460	80	380	0	1	2	32	2	6	45	43	45		
15	Mầm non Vườn Hồng	2	1	6	1	5	155	28	127	0	1	1	14	2	5	23	23	22		
16	Mầm non 10	1	1	10	2	8	440	70	370	0	1	2	23	2	6	39	34	32	01 GV 01 Thủ quỹ	
17	Mầm non 10A	1	2	10	2	8	380	70	310	0	1	2	22	4	5	24	34	26	01 PHT 01 GV	
18	Mầm non Phú Hòa	1	0	10	2	8	387	50	337	0	1	2	23	2	6	37	34	37		
19	Mầm non 11	1	1	13	3	10	379	65	314	0	1	2	30	3	6	43	42	36		
20	Mầm non 12	1	1	11	5	6	270	100	170	0	1	2	29	3	6	41	41	41		03 GV hưu 2020
21	Mầm non Học Mi	1	1	10	4	6	415	125	290	0	1	2	23	2	6	34	34	33	01 GV	



STT	Tên trường	Hạng trường	Số điểm trường	Tổng số lớp	Lớp Nhà trẻ	Lớp Mẫu giáo	Tổng số học sinh	Số HS Nhà trẻ	Số HS Mẫu giáo	HS khuyết tật hòa nhập	CBQL		Giáo viên	Nhân viên chức	HD 68	Biên chế giao 2020	Biên chế dự kiến lần 2 2020	Biên chế hiện có	Biên chế cần tuyển	Biên chế dôi dư
											HS	Công chức	Viên chức							
22	Mầm non 13	1	1	18	4	14	755	150	604	1	1	1	2	41	7	7	55	58	58	02 GV
23	Mầm non 14	1	1	15	3	12	475	95	380	0	1	1	2	34	2	6	47	45	01 GV 01 Văn thư	
24	Mầm non Bàu Cát	1	1	9	1	8	200	30	170	0	1	1	2	20	3	4	49	30	47	15 GV
25	Mầm non 15	1	1	12	2	10	540	80	460	0	1	1	2	27	2	7	41	39	41	01 GV

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ GIAO BIÊN CHẾ CÁC ĐƠN VỊ GIÁO DỤC BẬC TIỂU HỌC
LẦN 2 NĂM 2020

STT	Tên trường	Hạng trường	Số điểm trường	Tổng số lớp	Lớp 1 buổi	Lớp 2 buổi	Tổng số học sinh	Số HS 1 buổi	Số HS 2 buổi	HS khuyết tật hòa nhập	CBQL			Giáo viên	TPT	Nhân viên				Biên chế dự kiến lần 2 2020	Biên chế hiện có	Biên chế thiếu	Biên chế dôi dư
											Công chức	Viên chức	HS			TV, TB CNTT	VT-YT KT-TQ	Hỗ trợ khuyết tật	HD				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1	Lê Văn Sĩ	1	1	31	6	25	1181	212	969	4	1	2	45	1	2	3	1	4	64	59	61	01 TPT 1 HTKT; 1 CNTT	01 NVPC
2	Nguyễn Thanh Tuyển	1	1	31	0	31	1250	0	1250	13	1	2	47	1	2	3	1	4	61	61	53	1 GVNM 1 Nhạc; 1 TD 1 Anh; 1 TPT 1 Tin; 1 HTKT	
3	Bình Giả	3	2	15	0	15	582	0	582	12	1	1	23	1	1	2	1	6	34	36	32	01 Mỹ thuật 01 HTKT	
4	Tân Sơn Nhất	2	1	22	0	22	880	0	880	2	1	1	33	0	1	2	1	4	43	43	38	2 GVNM; 1 Anh 1 TPT; 1 HTKT	
5	Hoàng Văn Thụ	1	1	36	6	30	1452	234	1218	14	1	2	52	1	2	3	1	5	69	67	65	1 Thẻ dục 1 Mỹ thuật 01 HTKT	
6	Phạm Văn Hai	2	1	20	4	16	743	148	595	10	1	1	29	1	1	2	1	4	39	40	36	1 GVNM 1 TPT; 1 HTKT	
7	Bạch Đằng	3	1	20	0	16	558	0	558	3	1	1	24	1	1	2	1	4	33	35	28	3 GVNM 2 Anh; 1 TPT 1 HTKT	
8	Chi Lăng	3	2	15	0	15	511	0	511	2	1	1	23	1	1	2	1	6	35	36	31	1 Nhạc; 1 Anh 1 TPT; 1 Văn thư 1 HTKT, 1 Thủ quỹ	

STT	Tên trưởng	Hạng trưởng	Số điểm trưởng	Tổng số lớp	Lớp 1 buổi	Lớp 2 buổi	Tổng số học sinh	Số HS 1 buổi	Số HS 2 buổi	HS khuyết tật hòa nhập	CBQL			Giáo viên	TPT	Nhân viên				HD 68	Biên chế dạy 2020	Biên chế dự kiến lần 2 2020	Biên chế hiện có	Biên chế thiếu	Biên chế đối dư
											Công chức	Viên chức				TV, TB CNTT	VT-YT KT-TQ	Hỗ trợ khuyết tật							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24		
9	Đổng Đa	1	1	28	0	28	797	0	797	0	1	2	42	1	2	3	0	4	49	55	47	01 GVNM 02 Anh; 01 Nhạc 1 Văn thư; 1 CNTT			
10	Bành Văn Trần	1	3	44	28	16	1604	977	627	11	1	2	60	1	2	3	1	6	79	76	78				
11	Ngọc Hòai	1	2	28	0	28	1068	0	1068	13	1	2	42	0	2	3	1	4	55	55	48	1 TPT; 2 Anh 1 Tín; 1 Thủ quỹ 1 HTKT			
12	Trần Văn Ôn	2	2	21	13	8	847	507	340	11	1	1	28	1	1	2	1	6	41	41	32	1 Anh 1 Thủ quỹ; 1 Văn thư			
13	Phú Thọ Hòa	1	2	32	11	21	1280	435	835	10	1	2	45	1	2	3	1	5	54	60	54	2 Anh 1 TD; 1 HTKT			
14	Lê Thị Hồng Gấm	1	3	37	14	23	1557	543	1014	9	1	2	51	1	2	3	1	6	67	67	66				
15	Nguyễn Văn Trỗi	1	1	43	8	35	1792	320	1472	0	1	2	62	1	2	3	1	4	74	76	70	1 GVNM; 1 Anh 1 TPT; 1 HTKT			
16	Lạc Long Quân	3	1	15	0	15	620	0	620	5	1	1	23	1	1	2	1	4	35	34	30	1 Anh 1 HTKT			
17	Cách Mạng Tháng Tám	2	2	21	4	17	859	164	695	5	1	1	30	1	1	2	1	6	42	43	38	1 GVNM; 1 Máy thuật; 1 HTKT			
18	Nguyễn Khuyến	1	1	28	15	13	1182	629	553	5	1	2	38	1	2	3	1	4	54	52	48	1 HTKT; 1 Thủ quỹ 1 TPT; 1 GVNM			

STT	Tên trường	Hạng trường	Số điểm trường	Tổng số lớp	Lớp 1 buổi	Lớp 2 buổi	Tổng số học sinh	Số HS 1 buổi	Số HS 2 buổi	HS khuyết tật hòa nhập	CBQL			Giáo viên	TPT	Nhân viên				Biên chế giao 2020	Biên chế dự kiến lần 2 2020	Biên chế hiện có	Biên chế thiếu	Biên chế dư
											Công chức	Viên chức	HS			TV,TB CNTT	VT-YT KT-TQ	Hỗ trợ khuyết tật						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
19	Trần Quốc Tuấn	1	1	35	8	27	1341	272	1069	5	1	2	50			2	3	1	4	65	63	57		
20	Thân Nhân Trung	1	1	28	8	20	1129	280	840	9	1	2	40	1	2	3	1	4	55	54	47	1 Nhạc; 1 Anh 1 Văn thư 1 CNTT; 1 HTKT		
21	Son Cang	2	1	21	2	19	913	76	837	1	1	1	31	1	1	2	1	4	42	42	41			
22	Yên Thế	1	1	31	8	23	1361	326	1035	5	1	2	44	1	2	3	1	4	61	58	56			
23	Trần Quốc Toàn	1	3	51	30	21	2022	1181	841	0	1	2	68	1	2	3	0	4	82	81	78	1 Anh; 1 Pháp 1 HTKT		
24	Tân Trụ	1	1	32	13	19	1431	585	846	5	1	2	44	1	2	3	1	4	61	58	57	01 CNTT 01 HTKT	THÀNH VIÊN HẠM Đ. C. VÀ Đ. C. VÀ Đ. C. VÀ	
25	Nguyễn Văn Kịp	1	1	40	24	16	1752	1029	723	30	1	2	53	1	2	3	1	4	68	67	65	1 Anh 1 HTKT; 1 CNTT	THÀNH VIÊN HẠM Đ. C. VÀ Đ. C. VÀ Đ. C. VÀ	
26	Phan Huy Ích	2	1	22	0	22	985	0	985	3	1	1	33	1	1	2	1	4	43	44	25	1 Nhạc; 1 TPT 1 GVNM		





DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ GIAO BIÊN CHẾ BẠC THCS
LẦN 2 NĂM 2020

STT	Tên trường	Hạng trường	Số điểm trường	Tổng số lớp	Lớp 1 buổi	Lớp 2 buổi	Tổng số học sinh	Số HS 1 buổi	Số HS 2 buổi	HS khuyết tật hòa nhập	CBQL		Giáo viên	TPT	Nhân viên				Biên chế giao 2020	Biên chế dự kiến lần 2 2020	Biên chế hiện có	Biên chế thiếu	Biên chế dư
											Công chức	Viên chức			TV, TB CNTT	VT-YT KT-TQ	Hỗ trợ khuyết tật	HD 68					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1	THCS Ngô Sĩ Liên	1	2	56	56	0	2304	2304	0	13	1	2	106	1	3	4	1	6	127	124	122	1 Nhạc; 1 Lý; 2 Sử 1 CN 8-9; 2 CN 6	2 Anh
2	THCS Âu Lạc	1	1	30	0	30	1387	0	1387	11	1	2	57	1	3	3	1	4	72	72	60	1 Nhạc; 1 Văn 1 CNTT 1 HTKT	
3	THCS Trần Văn Đang	2	1	18	18	0	500	500	0	5	1	1	34	1	2	2	1	4	45	46	38	1 Anh	01 Sử
4	THCS Nguyễn Gia Thiều	1	1	40	40	0	1639	1639	0	5	1	2	76	1	3	4	1	4	94	92	78	1 CNTT; 1 TB, TN 1 Văn thư; 1 HTKT 2 Tin học; 1 Nhạc; 1 Thể dục; 1 Toán; 1 GDGD	
5	THCS Tân Bình	1	1	53	53	0	2374	2374	0	17	1	2	101	1	3	4	1	4	116	117	97	2 Văn; 1 Sử; 1 Địa 1 Sinh; 1 TD 2 Mỹ thuật; 2 Tin 6 NVBC	
6	THCS Quang Trung	1	1	30	1	0	1275	1275	0	2	1	2	57	1	3	3	1	4	72	72	53	1 Văn; 1 Anh; 1 Toán; 1 Nhạc; 1 CN6; 2 Sinh; 1 Thư viện; 1 TB, TN; 1 CNTT	
7	THCS Trần Văn Quang	1	1	32	32	0	1256	1256	0	5	1	2	61	1	3	3	1	4	59	76	51	2 Văn; 1 Địa; 1 GDGD 1 Hóa; 2 Sinh 1 Mỹ Thuật; 2 Tin 1 Thư viện 1 TB, TN; 1 HTKT	

8	THCS Phạm Ngọc Thạch	2	1	23	0	23	716	0	716	4	1	1	44	1	2	2	1	4	68	56	65	1 TB, TN
9	THCS Lý Thường Kiệt	1	1	28	24	4	806	666	140	13	1	2	53	1	3	3	1	4	68	68	54	1 Văn thư; 1 Thủ quỹ 1 Thư viện; 1 TB, TN 1 CNTT; 1 HTKT 1 Mĩ Thuật; 1 Toán 1 Văn; 1 Anh, 1 Sử
10	THCS Võ Văn Tần	1	2	41	41	0	1914	1914	0	8	1	2	78	1	3	4	1	6	96	96	89	1 TPT; 2 Sinh 1 CNTT; 1 TB, TN 1 HTKT
11	THCS Ngô Quyền	1	1	56	56	0	2667	2667	0	13	1	2	106	1	3	4	1	4	121	122	105	1 Toán; 1 Sử; 1 Địa 1 CN8,9; 1 CN7; 1 Thê dục; 1 Tin 1 TB, TN; 1 HTKT 1 Nhạc; 2 Văn; 1 CN 6; 1 TPT 1 TV; 1 CNTT; 1 Y tế 1 Hỗ trợ khuyết tật
12	THCS Trường Chinh	1	1	47	47	0	2062	2062	0	3	1	2	89	1	3	4	1	4	105	105	95	
13	THCS Hoàng Hoa Thám	1	0	74	74	0	3520	3520	0	16	1	2	141	1	3	4	1	4	157	157	140	2 Nhạc 1 CNTT
14	Bồi dưỡng giáo dục	1	/	/	/	/	/	/	/	/	1	1	13	/	/	2	/	2	19	19	17	